

Bản án số: 822/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ

Đức.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1246/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Hoàng Tsinh năm 1987

Địa chỉ: , khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T sinh năm 1982

Địa chỉ: , khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2017, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bà Hoàng T trình bày: Tôi và Ông Nguyễn Trọng T kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyền số 16/2012 ngày 18/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 02, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân của chúng tôi là tự nguyện, gia đình hai bên đều đồng ý và có tổ chức lễ cưới ra mắt họ hàng. Cuộc sống vợ chồng bình thường, bản thân tôi nhận thấy không hạnh phúc do thiếu sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Chúng tôi đã không chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến nay tuy vẫn ở chung một nhà. Vì vợ chồng thực sự không còn tình cảm nên tôi xin ly hôn với ông T.

Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Ngọc H sinh ngày 04/10/2012 hiện đang ở chung với chúng tôi. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng cho

đến khi con trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn Ông Nguyễn Trọng T trình bày: Tôi xác nhận lời trình bày của Bà Hoàng T về thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà U xin ly hôn tôi nhận thấy tình cảm cũng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với bà U.

Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Ngọc H sinh ngày 04/10/2012 hiện đang ở chung với chúng tôi. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con, trường hợp Tòa án xử giao bà U nuôi con tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận về việc ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Trọng Ngọc H cho bà U nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Hoàng T khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với Ông Nguyễn Trọng T căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về nội dung:

Tại Tòa, Ông Nguyễn Trọng T, Bà Hoàng T thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không còn khả năng đoàn tụ vì đã không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2016, do đó nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà U và ông T thì ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Ngọc H sinh ngày 04/10/2012, cả ông T và bà U đều yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Con chung hiện đang ở cùng với ông T và bà U, tuy nhiên sau khi ly hôn con chung sẽ ở với cha hoặc mẹ. Ông T hiện đang là công an, bà U hiện là nhân viên kế toán của doanh nghiệp, cả hai đều có thu nhập ổn định để có thể nuôi con. Tuy nhiên con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội

đồng xét xử cho rằng tiếp tục giao con cho bà U nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ bảo đảm cho sự phát triển của con chung hơn. Ghi nhận việc bà U, ông T thống nhất ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại Tòa, các bên cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhân sự thỏa thuận của các bên:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng T và Ông Nguyễn Trọng T thuận tình ly hôn

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

2. Xử:

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng Ngọc H sinh ngày 04/10/2012 cho Bà Hoàng T nuôi dưỡng, chăm sóc, Ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng)/ tháng cho đến khi con chung thành niên.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày Bà Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Nguyễn Trọng T chậm nộp tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm nộp theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2-/ Về án phí: Bà Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037625 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà U đã nộp đủ án phí, Ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông T chưa nộp án phí.

3-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
 - VKS ND Q.Thủ Đức;
 - Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
 - UBND phường 2, Tp Bảo Lộc
- Tỉnh Lâm Đồng;
- Các bên đ/sự;
 - Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Trọng Đan